**TRƯỜNG THCS NINH HIỆP**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRAHỌC KÌ II**

**MÔN: HÓA HỌC 9**

**NĂM HỌC: 2020 - 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiếnthức** | **Mứcđộnhậnthức** | **Cộng** |
| **Nhậnbiết** | **Thônghiểu** | **Vậndụng** | **Vậndụngcao** |
| 1. Axitcacbonicvàmuốicacbonat. Phi kim, bảngtuầnhoàn.
 | Nhậnbiếtđượcaxitcacbonicvàmuốicacbonat. | So sánhđượcmứcđộhoạtđộngcủakimloạivà phi kim. | Xácđịnhsốmolvàkhốilượngcácchất. |  |  |
| Sốcâuhỏi | 3 | 3 | 1 |  | 7 |
| Số điểm | 0,75 | 0,75 | 0,25 |  | 1,75 |
| Tỉ lệ | 7,5% | 7,5% | 2,5% |  | 17,5% |
| 1. Hiđrocacbon. Nhiênliệu
 | * Biếtđượccấutạocáchợpchấthữucơ
* Biếtđược TCHH của CH4, C2H4, C2H2, C6H6.
 | Tỉlệphảnứngcủa CH4, C2H4, C2H2, C6H6với O2 hay Br2, Cl2. | Xácđịnhsảnphẩmvàlượngchấtphảnứngcộng. | Lập CTPT của HCHC. |  |
| Sốcâuhỏi | 8 | 4 | 1 | 1 | 14 |
| Sốđiểm | 2,0 | 1,0 | 0,25 | 0,25 | 3,5 |
| Tỉlệ | 20% | 10% | 2,5% | 2,5% | 35% |
| 1. Dẫnxuấtcủahiđrocacbon
 | Biếtđược TCHH của C2H5OH, CH3COOH, glucozơ, saccarozơ. | Viết PTHH thểhiệntínhchấthóahọccủacácchất. | Xácđịnhđượcsốmolvàkhốilượngcủacácchất. | Xácđịnhhiệusuấtcủaphảnứng |  |
| Sốcâuhỏi | 6 | 3 | 1 | 1 | 11 |
| Sốđiểm | 1,5 | 0,75 | 0,25 | 0,25 | 2,75 |
| Tỉ lệ | 15% | 7,5% | 2.5% | 2,5% | 27,5% |
| 1. Tổnghợpchủđề 2, 3
 |  | Nhậnbiếtđượccáchợpchấthữucơdựavàotínhchất. | Vậndụnggiảithíchhiệntượngthựctế | Xácđịnhđược CTPT vàtínhphầntrămcủacácchấttronghỗnhợp. |  |
| Sốcâuhỏi |  | 5 | 2 | 1 | 8 |
| Sốđiểm |  |  |  |  | 2,0 |
| Tỉlệ |  |  |  |  | 20% |
| **Tổngsốcâu** | **17** | **15** | **5** | **3** | **40** |
| **Tổngsốđiểm** | **4,5** | **3,75** | **1,25** | **0,75** | **10** |
| **Tỉlệ** | **45%** | **37,5%** | **12,5%** | **7,5%** | **100%** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS NINH HIỆP** |  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II** **Năm học:2020- 2021****Môn: Hóa học 9***Thờigian: 45 phút ( khôngkểthờigianphátđề)**( Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra)* |

|  |
| --- |
| **Mãđềthi: 001** |

*Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:*

 *C = 12; O = 16; H = 1; Br = 80; Na = 23; Ba = 137; Ca = 40.*

**Câu1**: Trong các muối sau muối nào là muối hiđrocacbonat

1. K2CO3 B. MgCO3 C. NaHCO3 D. CaCO3

**Câu 2:**Cho K2CO3tácdụngvớiCa(OH)2, hiệntượngxảyralà:

1. Khôngcóhiệntượng C. Sủibọtkhí
2. Kếttủatrắng D. Dung dịchchuyểnthànhmàuxanh.

**Câu 3:**Dãy gồm các chất bị phân hủy bởi nhiệt là

A. Na2CO3, MgCO3, Ca(HCO3)2, BaCO3.

B. MgCO3, BaCO3, Ca(HCO3)2, NaHCO3.

C. K2CO3, KHCO3, MgCO3, Ca(HCO3)2.

D. NaHCO3, KHCO3, Na2CO3, K2CO3.

**Câu 4:** Dãy gồm các chất đều phản ứng với dung dịch HCl là

A. Na2CO3, CaCO3. C. K2SO4, Na2CO3.

B. Na2SO4, MgCO3. D. Na2SO3, KNO3.

**Câu 5:** Nhóm các nguyên tố được sắp xếp theo chiều tính phi kim tăng dần là

A. O, F, N, P. C. F, O, N, P.

B. O, N, P, F. D. P, N, O, F.

**Câu 6:** Dãy các kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tính kim loại tăng dần ?

A. K, Ba, Mg, Fe, Cu. C. Ba, K, Fe, Cu, Mg.

B. Cu, Fe, Mg, Ba, K. D. Fe, Cu, Ba, Mg, K.

**Câu 7**: Khối lượng kết tủa tạo ra, khi cho 21,2 gam Na2CO3 tác dụng vừa đủ với dung dịch Ba(OH)2 là

A. 3,94 gam. B. 39,4 gam. C. 25,7 gam. D. 51,4 gam.

**Câu 8:**Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ?

A. CH4, C2H6, CO2. C. C6H6, CH4, C2H5OH.

B. CH4, C2H2, CO. D. C2H2, C2H6O, CaCO3.

**Câu 9**:Dãy các chất nào sau đây đều là hiđrocacbon?

A. C2H6, C4H10, C2H4. C. CH4, C2H2, C3H7Cl.

B. C2H4, CH4, C2H5Cl D. C2H6O, C3H8, C2H2.

**Câu 10:** Hoá trị của cacbon, oxi, hiđro trong hợp chất hữu cơ lần lượt là:

A. IV, II, II. B. IV, III, I. C. II, IV, I. D. IV, II, I.

**Câu 11:** Hãy cho biết chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn?

A. C6H6. B. C2H4. C. CH4. D. C2H2.

**Câu 12**: Trong công thức nào sau đây có chứa liên kết ba?

A. C2H4 B. CH4 C. C2H2 D. C6H6

**Câu 13:** Hợp chất hữu cơ nào sau đây chỉ có phản ứng thế với clo, không có phản ứng cộng với clo?

A. C6H6 B. C2H2 C. C2H4 D. CH4

**Câu 14**: Số liên kết đơn và liên kết đôi trong phân tử khí etilen là

A. bốn liên kết đơn và hai liên kết đôi.

B. ba liên kết đơn và hai liên kết đôi.

C. bốn liên kết đơn và một liên kết đôi.

D. hai liên kết đơn và hai liên kết đôi.

**Câu 15:** Liên kết CC trong phân tử axetilen có đặc điểm

 A. một liên kết kém bền dễ đứt ra trong các phản ứng hóa học.

 B. hai liên kết kém bền nhưng chỉ có một liên kết bị đứt ra trong phản ứng hóa học.

 C. hai liên kết kém bền dễ đứt lần lượt trong các phản ứng hóa học.

 D. ba liên kết kém bền dễ đứt lần lượt trong các phản ứng hóa học.

**Câu 16**: Chất hữu cơ nào sau đây, khi cháy tạo thành số mol khí CO2 nhỏ hơn số mol hơi nước?

A. CH4 B. C2H4 C. C2H2 D. C6H6

**Câu 17**: Biết 0,01 mol hiđrocacbon X có thể tác dụng tối đa với 100ml dung dịch brom 0,1M. Vậy X là

A. C2H4. B. CH4. C. C2H2. D. C2H6.

**Câu 18**:Đốt cháy hoàn toàn 1 mol khí axetilen thì cần bao nhiêu lít không khí (các khí đo ở đktc, biết rằng oxi chiếm 20% thể tích không khí)?

A. 300 lít. B. 280 lít. C. 240 lít. D. 120 lít.

**Câu 19**: Khi cho Na dư vào rượu etylic 90%, số phản ứng hóa học diễn ra là

1. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 20:** Biết rằng 0,1 lít khí etilen (đktc) làm mất màu tối đa 50 ml dung dịch brom. Nếu dùng 0,1 lít khí axetilen (đktc) thì có thể làm mất màu tối đa thể tích dung dịch brom trên là

A. 200 ml. B. 150 ml. C. 100 ml. D. 50 ml.

**Câu 21**: Khi đốt cháy hoàn toàn một thể tích hiđrocacbon X, thu được thể tích khí CO2 bằng thể tích hiđrocacbon X khi đem đốt (trong cùng điều kiện về nhiệt độ và áp suất). Hiđrocacbon đó là

A. C2H2. B. C2H4. C. CH4. D. C3H6.

**Câu 22:** Trên nhãn của một chai rượu ghi 180 có nghĩa là

A. nhiệt độ sôi của rượu etylic là 180C.

B. nhiệt độ đông đặc của rượu etylic là 180C.

C. trong 100 ml rượu có 18 ml rượu etylic nguyên chất và 82 ml nước.

D. trong 100 ml rượu có 18 ml nước và 82 ml rượu etylic nguyên chất.

**Câu 23:** Phản ứng giữa axit axetic với dung dịch bazơ thuộc loại

A. phản ứng este hóa. C. phản ứng hóa hợp.

B. phản ứng phân hủy. D. phản ứng trung hòa.

**Câu 24 :** Các chất đều phản ứng được với Na và K là

A. rượu etylic, axit axetic. C. benzen, axit axetic.

B. rượu etylic, benzen . D. dầu hoả, rượu etylic.

**Câu 25 :** Thủy phân chất béo trong môi trường axit thu được

 A. glixerol và một loại axit béo. C. glixerol và một số loại axit béo.

 B. glixerol và một muối của axit béo. D. glixerol và xà phòng.

**Câu 26**: Dầu ăn được định nghĩa như sau:

1. Dầu ăn là este
2. Dầu ăn là hỗn hợp nhiều este của grixerol và các axit béo
3. Dầu ăn là este của grixerol
4. Dầu ăn là một este của grixerol và axit béo

**Câu 27**: Ba gói bột màu trắng là glucozơ, tinh bột và saccarozơ. Có thể nhận biết bằng cách nào sau đây?

A. Dung dịch brom và Cu(OH)2.

B. Dung dịch NaOH và dung dịch iot.

C. Hoà tan vào nước và dung dịch HCl.

D. Hoà tan vào nước và cho phản ứng với dung dịch AgNO3/NH3.

**Câu 28**: Đốt cháy dẫn xuất của hidrocacbon X, chứa 1 nguyên tử oxi theo sơ đồ sau:

X + 3O2 → 2CO2 + 3H2O. X là

A. C2H4O. B. C2H6O. C. C3H8O. D. C3H6O.

**Câu 29:** Các chất hữu cơ có công thức phân tử C6H6, C2H4O2, C2H6O được kí hiệu ngẫu nhiên là A, B, C. Biết :

 - Chất A và B tác dụng với K.

 - Chất C không tan trong nước.

 - Chất A phản ứng được với Na2CO3.

 Vậy A, B, C lần lượt có công thức phân tử là

A. C2H6O, C6H6, C2H4O2. C. C2H4O2, C2H6O, C6H6.

B. C2H6O, C2H4O2, C6H6. D. C2H4O2, C6H6, C2H6O.

**Câu 30**: Hợp chất **không** tan trong nước là

A. CH3-CH2-COOH. C. CH3-CH2-OH.

B. C6H12O6. D. (C17H33COO)3C3H5.

**Câu 31:** Hòa tan 20 gam CaCO3 vào dung dịch CH3COOH dư. Thể tích CO2 thoát ra (đktc) là

A. 2,24 lít. B. 3,36 lít. C. 4,48 lít. D. 5,60 lít.

**Câu 32**: Cho 23 gam rượu etylic vào dung dịch axit axetic dư. Khối lượng etyl axetat thu được là (biết hiệu suất phản ứng 30%)

A. 26,4 gam. B. 13,2 gam. C. 36,9 gam. D. 32,1 gam.

**Câu 33**: Hoá chất nào sau đây dùng để phân biệt 2 chất CH4 và C2H4 ?

A. Dung dịch brom. C. Dung dịch phenolphtalein.

B. Quì tím. D. Dung dịch bari clorua.

**Câu 34**: Khíetilencólẫn SO2và CO2. Đểthuđượcetilentinhkhiết, ta dùng dung dịchnàosauđây?

A. Dung dịchbromdư. C. Dung dịch KOH dư.

B. Dung dịch K2CO3dư. D. Dung dịch KMnO4 dư

**Câu 35**: Để phân biệt C6H6;  C2H5OH; CH3COOH ta dùng

A. Na kim loại. C. dung dịch NaOH.

B. H2O và quỳ tím. D. H2O và phenolphtalein.

**Câu 36**: Trong dịch vị dạ dày của người có axit HCl với nồng độ khoảng 0,0001M đến 0,001M. Những người đau dạ dày thường uống một số thuốc có chứa chất gì để trung hòa bớt axit có trong dạ dày?

1. NaHCO3 B. AgNO3 C. Ca(OH)2 D. NaOH

**Câu 37**: Hợp chất Y là chất lỏng không màu, có nhóm – OH trong phân tử, tác dụng với kali nhưng không tác dụng với kẽm. Y là

A. NaOH. B. CH3COOH. C. Ca(OH)2. D. C2H5OH.

**Câu 38**: Khi đốt một hợp chất hữu cơ X ta thu được hơi nước và khí cacbonic theo tỉ lệ thể tích là 1 : 1. Vậy X là

A. rượu etylic. B. mantozơ. C. glucozơ. D. saccarozơ.

**Câu 39**: Để sát trùng vết thương, bôi ngoài, sát trùng da trước khi tiêm hoặc tiểu phẫu, người ta quy định cồn sát trùng phải là:

1. cồn 70o B. rượu trái cây C. cồn 90o D. loại nào cũng được

**Câu 40**: Cho 3 lít hỗn hợp khí gồm CH4 và C2H4 (đktc) vào dung dịch brom dư, người ta thu được 16,92 gam đibrometan. Phần trăm về thể tích mỗi khí trong hỗn hợp ban đầu là

A. 67,2 % C2H4 và 32,8 % CH4. C. 32,8 % C2H4 và 67,2 % CH4.

B. 33,6 % C2H4 và 66,4 % CH4. D. 66,4 % C2H4 và 33,6 % CH4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS NINH HIỆP** |  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II** **Năm học:2020- 2021****Môn: Hóa học 9***Thời gian: 45 phút ( không kể thời gian phát đề)**( Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra)* |
| **Mã đề thi: 002** |

*Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:*

 *C = 12; O = 16; H = 1; Br = 80; Na = 23; Ba = 137; Ca = 40.*

**Câu 1**: Trong các muối sau muối nào là muối cacbonat trung hòa

1. KHCO3 B. Mg(HCO3)2 C. NaHCO3 D. CaCO3

**Câu 2:**Khi nhiệt phân muối cacbonat sinh ra khí là:

1. CO2 B. SO2 C. O2 D. SO3

**Câu 3:** Dãy gồm các muối đều tan trong nước là

A. CaCO3, BaCO3, Mg(HCO3)2, K2CO3.

B BaCO3, NaHCO3, Mg(HCO3)2, Na2CO3.

C. CaCO3, BaCO3, NaHCO3, MgCO3.

D. Na2CO3, Ca(HCO3)2, Ba(HCO3)2, K2CO3­.

**Câu 4:** Cặp chất nào sau đây có thể cùng tồn tại trong dung dịch?

A. HNO3 và KHCO3. C. Ba(OH)2 và Ca(HCO3)2.

B. Na2CO3 và CaCl2. D. K2CO3 và Na2SO4.

**Câu 5:** Dãycácnguyêntố xếptheochiềutính phi kimtăngdần:

1. Mg, Na, Si, P C. Ca, P, B, C
2. C, N, O, F D. O, N, C, B

**Câu 6:** Các nguyên tố sau O, K, Al, F, Mg, P. Hãy chỉ ra thứ tự sắp xếp đúng theo chiều tính kim loại giảm dần, tính phi kim tăng dần:

A. Mg, Al, K, F, P, O. C. Al, K, Mg, O, F, P.

B. K, Mg, Al, F, O, P. D. K, Mg, Al, P, O, F.

**Câu 7**: Khối lượng kết tủa tạo ra, khi cho 31,8 gam Na2CO3 tác dụng vừa đủ với dung dịch Ba(OH)2 là

A. 5,91 gam. B. 59,1 gam. C. 29,55 gam. D. 51,4 gam.

**Câu 8:** Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ?

A. CH4, C2H6, CO2. C. C6H6, CH4, C2H5OH.

B. CH4, C2H2, CO. D. C2H2, C2H6O, CaCO3.

**Câu 9:** Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hiđrocacbon?

A. C2H6O, CH4, C2H2. C. C2H4, C3H7Cl, CH4.

B. C2H6O, C3H7Cl, C2H5Cl. D. C2H6O, C3H8, C2H2.

**Câu 10:** Trong các hợp chất hữu cơ, cacbon luôn có hoá trị là

A. I B. IV. C. III. D. II.

**Câu 11:** Nguyên tử cacbon có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành các dạng mạch cacbon là

A. mạch vòng. C. mạch thẳng, mạch nhánh.

B. mạch nhánh. D. mạch vòng, mạch thẳng, mạch nhánh.

**Câu 12:** Dãy các chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn?

A. CH4, C2H2. B. C2H4, C3H6. C. CH4, C2H6. D. C2H2, CH4.

**Câu 13:** Hợp chất hữu cơ **không** có khả năng tham gia phản ứng cộng là

A. metan. B. Rượu etylic. C. etilen. D. axetilen.

**Câu 14**: Trong phân tử etilen giữa hai nguyên tử cacbon có

A. một liên kết đơn. C. một liên kết đôi.

B. hai liên kết đôi. D. một liên kết ba.

**Câu 15**: Chất có liên kết ba trong phân tử là

A. metan.B. etilen.C. axetilen.D. glucozơ.

**Câu 16:**Cho các chất sau: CH4, Cl2, H2, O2. Có mấy cặp chất có thể tác dụng với nhau từng đôi một?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 17:**Thể tích không khí (VKK = 5VO2 ) cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 1 lít khí etilen ở đktc là

A. 12 lít. B. 13 lít. C. 14 lít. D. 15 lít.

**Câu 18**:1 mol hiđrocacbon X làm mất màu vừa đủ 2 mol brom trong dung dịch. Hiđrocacbon X là

A. CH4. B. C2H4. C. C2H2. D. C2H6.

**Câu 19**: Trong các hiđrocacbon sau khi đốt hiđrocacbon nào sinh ra nhiều muội than ?

A. C2H6 B. CH4 C. C2H4 D. C6H6

**Câu 20**: Biết rằng 0,1 lít khí axetilen ( đktc) thì có thể làm mất màu tối đa 100 ml dung dịch brom. Nếu dùng 0,1 lít khí etilen ( đktc) thì có thể làm mất màu tối đa thể tích dung dịch brom trên là

A. 300 ml. B. 200 ml. C. 100 ml. D. 50 ml.

**Câu 21**: Khi phân tích một hiđrocacbon (X) chứa 81,82% cacbon. Công thức phân tử của (X) là

A. C3H8. B. C3H6. C. C2H4. D. C4H10.

**Câu 22**: Trong 100 ml rượu 450 có chứa

A. 45 ml nước và 55 ml rượu nguyên chất.

B. 45 ml rượu nguyên chất và 55 ml nước.

C. 45 gam rượu nguyên chất và 55 gam nước.

D. 45 gam nước và 55 gam rượu nguyên chất.

**Câu 23**:Phản ứng lên men giấm là

mengiấm

A. C2H6O + H2O CH3COOH + H2O.

mengiấm

B. C2H5OH CH3COOH + H2O.

mengiấm

C. C2H5OH + O2 CH3COOH.

mengiấm

D. C2H5OH + O2 CH3COOH + H2O.

**Câu 24:** Chất tác dụng với natri cacbonat tạo ra khí cacbonic là

A. nước. C. rượu etylic.

B. axit axetic. D. rượu etylic và axit axetic

**Câu 25:** Thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thu được

A. glixerol và muối của một axit béo. C. glixerol và axit béo.

B. glixerol và xà phòng. D. glixerol và muối của các axit béo

**Câu 26**: Không thể làm sạch dầu ăn dính trên quần áo bằng cách

1. Giặtbằngnước C. Giặtbằngxàphòng

B. Tẩybằngxăng D. Tẩybằngcồn 96o

**Câu 27**: Để phân biệt các dung dịch sau: rượu etylic, glucozơ và axit axetic. Ta có thể dùng

A. giấy quỳ tím và dung dịch AgNO3/NH3. B. giấy quỳ tím và Na.

C. Na và dung dịch AgNO3/NH3. D. Na và dung dịch HCl.

**Câu 28:** Dãy chất tác dụng với axit axetic là

A. CuO, Cu(OH)2, Cu, CuSO4, C2H5OH.

B. CuO, Cu(OH)2, Zn, Na2CO3, C2H5OH.

C. CuO, Cu(OH)2, Zn, H2SO4, C2H5OH.

D. CuO, Cu(OH)2, C2H5OH, C6H6, CaCO3.

**Câu 29**: Cho sơ đồ sau:

CH2 = CH2 + H2O  X

X + O2  Y + H2O

X + Y  CH3COO-C2H5 + H2O

X, Y là

A. C2H6, C2H5OH. B. C2H5OH, CH3COONa.

C. C2H5OH, CH3COOH. D. C2H4, C2H5OH.

**Câu 30**: Chất **không** phản ứng với kim loại K là

A. dầu hoả. B. rượu etylic. C. nước. D. axit axetic.

**Câu 31**: Cho 30 gam axit axetic CH3COOH tác dụng với rượu etylic dư có mặt H2SO4 đặc làm xúc tác (hiệu suất 100%). Khối lượng etyl axetat tạo thành là

A. 33 gam. B. 44 gam. C. 55 gam. D. 66 gam.

**Câu 32:** Cho 11,2 lít khí etilen ( đktc) tác dụng với nước có axit sunfuric ( H2SO4) làm xúc tác, thu được 9,2 gam rượu etylic. Hiệu suất phản ứng là

A. 40%. B. 45%. C. 50%. D. 55%.

**Câu 33**: Đểtinhchếkhímetancólẫnetilenvàaxetilen, ta dùng dung dịchnàosauđây?

A. Dung dịchnướcbrom. C. Dung dịchNaOHdư.

B. Dung dịch AgNO3/ NH3dư. D. Dung dịchnướcvôitrong.

**Câu 34**: Cho bakhí CH4, C2H4, C2H2. Nếuchỉcó dung dịchbromvàcácdụngcụthínghiệmcầnthiếtcóthểphânbiệtđượcmấychất?

 A. 1 chất B. 2 chất C. 3 chất D. Khôngphânbiệtđược

**Câu 35**: Có ba lọ không nhãn đựng : rượu etylic, axit axetic, dầu ăn. Có thể phân biệt bằng cách nào sau đây?

A. Dùng quỳ tím và nước. C. Khí cacbon đioxit và nước.

B. Kim loại natri và nước. D. Phenolphtalein và nước.

**Câu 36:** Rượu etylic có khả năng hòa tan trong nước hơn metan, etilen là do

A. trong phân tử rượu etylic có 2 nguyên tử cacbon.

B. trong phân tử rượu etylic có 6 nguyên tử hiđro.

C. trong phân tử rượu etylic có nhóm – OH.

D. trong phân tử rượu etylic có 2 nguyên tử cacbon và 6 nguyên tử hiđro.

**Câu 37**: Khi trong dịch vị dạ dày của người có lượng axit HCl lớn hoặc nhỏ hơn mức bình thường (0,0001M-0,001M) thì người đó bị mắc bệnh. Những người bị viêm loét dạ dày, tá tràng, để chữa căn bệnh này người ta thường uống gì trước bữa ăn:

1. Dung dịch natrihiđrocacbonat C. Nước cam
2. Nước đường D. Dung dịch kalihiđrocacbonat

**Câu 38**: Dãy chất nào sau đây thuộc nhóm gluxit?

A. C2H5OH, CH3COOH, C6H12O6.

B. C2H6, C6H12O6, C12H22O11.

C. (C6H10O5)n, C12H22O11, C6H12O6.

D.CH3COOH,C2H5OH,C12H22O11.

**Câu 39**: Để chế biến loại rượu uống nói riêng hoặc các đồ uống có cồn nói chung, người ta chỉ dùng sản phẩm của quá trình lên men rượu của các loại nguyên liệu như:

1. Gạo, ngô, lúa mạch, quả nho C. Giấm, sắn
2. Etilen, axetilen D. Mía, củ cải, giấm

**Câu 40**: Đốt hoàn toàn V lít hỗn hợp khí (ở đktc) gồm CH4 và C2H4 (tỉ lệ mol 1:1) rồi cho toàn bộ sản phẩm cháy vào dung dịch nước vôi trong dư thấy xuất hiện 3 gam kết tủa. Giá trị của V là

A. 0,448 lít. B. 4,48 lít. C. 0,672 lít. D. 6,72 lít.

**TRƯỜNG THCS NINH HIỆP**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: HÓA HỌC 9**

**NĂM HỌC: 2020 - 2021**

 **MÃ ĐỀ 001**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | C | B | B | A | D | B | B | D | A | D |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ĐA | C | C | D | C | C | A | A | B | C | C |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| ĐA | C | C | D | A | C | B | D | B | B | D |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| ĐA | C | B | A | A | B | A | D | C | A | A |

**MÃ ĐỀ 002**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | D | A | D | D | B | D | B | C | B | B |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ĐA | D | C | A | C | C | C | A | C | D | D |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| ĐA | A | B | D | B | D | A | A | B | C | A |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| ĐA | B | A | A | C | A | C | A | C | A | A |

*Ninh Hiệp, ngày tháng 4 năm 2021*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GV ra đề** | **Nhóm trưởng CM duyệt** | **Tổ trưởng CM duyệt** | **BGH duyệt** |
| **Nguyễn Thị Duyên** | **Chử Thị Việt Lê** | **Đàm Thị Thanh Trúc** | **Hồ Chiến Thắng** |

 |  |  |